

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### 1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333
- Email: info@helioenergy.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Helio Energy công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024 được lập tại ngày 22/10/2024;
- Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/10/2024 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

#### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024;
- Công văn số 18/2024/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2024.

#### Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Dương

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **QUÝ 3 NĂM 2024**

(Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94.574.972.317</b>	<b>90.935.463.791</b>
I. Tiền	110	4	47.028.355.298	17.299.326.829
1. Tiền	111		47.028.355.298	17.299.326.829
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	22.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	22.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.781.687.985	23.051.512.033
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.987.113.988	21.856.456.515
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.440.399.666	1.089.907.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.354.174.331	105.147.767
IV. Hàng tồn kho	140	8	150.025.270	537.095.181
1. Hàng tồn kho	141		150.025.270	537.095.181
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.614.903.764	27.247.529.748
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.346.270.630	2.675.102.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.268.633.134	24.572.427.522
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>424.990.164.681</b>	<b>455.386.314.167</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.840.000.000	2.855.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	2.840.000.000	2.855.000.000
II. Tài sản cố định	220	10	348.355.060.008	378.157.042.371
1. Tài sản cố định hữu hình	221		348.355.060.008	378.157.042.371
- Nguyên giá	222		493.147.313.989	493.147.313.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(144.792.253.981)	(114.990.271.618)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	51.209.258.958	54.644.804.103
- Nguyên giá	231		67.768.155.812	67.768.155.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.558.896.854)	(13.123.351.709)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	15.582.385.033	15.002.288.849
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.582.385.033	15.002.288.849
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.003.460.682	4.727.178.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.602.322.397	1.938.674.658
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.861.114.670	-
3. Lợi thế thương mại	269	13	2.540.023.615	2.788.504.186
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>519.565.136.998</b>	<b>546.321.777.958</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>268.160.611.192</b>	<b>312.703.326.096</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.065.481.039</b>	<b>74.337.604.752</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.964.711.231	3.721.808.239
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	182.198.830	1.487.908.304
3. Phải trả người lao động	314		296.500.000	1.042.388.159
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.199.718.315	4.531.866.656
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		121.470.875	915.833.394
6. Vay ngắn hạn	320	18	66.495.000.000	62.637.800.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		805.881.788	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>192.095.130.153</b>	<b>238.365.721.344</b>
1. Vay dài hạn	338	19	191.674.205.058	237.562.083.738
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	420.925.095	803.637.606
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>251.404.525.806</b>	<b>233.618.451.862</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>251.404.525.806</b>	<b>233.618.451.862</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
1. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.331.664.665	8.331.664.665
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		33.072.861.141	15.286.787.197
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm/kỳ trước	421a		14.480.905.409	5.213.264.849
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(Lỗ) kỳ này	421b		18.591.955.732	10.073.522.348
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>519.565.136.998</b>	<b>546.321.777.958</b>



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 22 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
QUÝ 3 NĂM 2024**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	29.172.411.416	31.111.457.719	94.679.195.454	95.576.343.213
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		29.172.411.416	31.111.457.719	94.679.195.454	95.576.343.213
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	17.039.824.161	17.363.126.259	50.728.176.221	52.493.029.527
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.132.587.255	13.748.331.460	43.951.019.233	43.083.313.686
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	116.158.109	655.110.062	912.261.979	1.996.932.796
6. Chi phí tài chính	22	25	4.833.460.552	8.675.563.296	17.898.981.943	28.573.605.273
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.800.209.411	8.675.563.296	17.691.100.520	28.553.185.273
7. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	12	76.500.281	(51.617.328)	580.096.184	(234.203.195)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.999.648.782	1.655.290.045	5.506.286.471	5.171.034.058
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		5.492.136.311	4.020.970.853	22.038.108.982	11.101.403.956
10. Thu nhập khác	31		327.697	384.048.083	401.695.170	389.216.624
11. Chi phí khác	32		1.034.380.019	767.917.381	1.230.133.842	864.814.215
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.034.052.322)	(383.869.298)	(828.438.672)	(475.597.591)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.458.083.989	3.637.101.555	21.209.670.310	10.625.806.365
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	3.841.358.596	354.204.715	4.861.541.759	1.071.685.665
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(1.854.481.672)	284.197.396	(2.243.827.181)	429.539.394
16. Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.471.207.065	2.998.699.444	18.591.955.732	9.124.581.306
14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	118	131	885	400

Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 22 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ 3 NĂM 2024**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.209.670.310	10.625.806.365
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	33.486.008.079	34.506.088.970
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.484.563.022)	(1.762.729.601)
Chi phí lãi vay	06	17.691.100.520	28.553.185.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.902.215.887	71.922.351.007
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.494.276.549	(623.195.584)
Thay đổi hàng tồn kho	10	387.069.911	(339.917.890)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(948.143.925)	(930.663.435)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(334.816.143)	1.203.420.623
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.282.936.307)	(28.559.911.148)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.162.425.661)	(1.451.727.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	48.055.240.311	41.220.355.673
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(102.201.818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.000.000.000)	(71.330.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	86.000.000.000	48.530.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	22.800.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	904.466.838	1.996.932.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.704.466.838	(20.905.269.022)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	204.460.227.106	44.161.802.656
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(246.490.905.786)	(87.762.517.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(42.030.678.680)	(43.600.714.872)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	29.729.028.469	(23.285.628.221)
Tiền đầu năm/kỳ	60	17.299.326.829	38.730.205.118
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	47.028.355.298	15.444.576.897



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 22 tháng 10 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 04 năm 2024, vốn điều lệ của công ty là 210.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 04 năm 2024)
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 04 năm 2024)
	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11 tháng 06 năm 2024)
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp.

Thông tin chi tiết về công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Bình Thuận	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện

Thông tin chi tiết về công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	100%	Đắk Nông	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện



Thông tin chi tiết về công ty liên kết gián tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam (*)	30%	30%	Đắk Nông	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH VVT Việt Nam (*)	23%	23%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	48%	Đắk Nông	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn (*)	36%	36%	Hà Nội	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam (*)	36%	36%	Hà Nội	Sản xuất điện

(\*) Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan tới việc mua thêm phần vốn góp của một số công ty liên kết gián tiếp nêu trên. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, các thủ tục này vẫn chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý, các công ty này vẫn là công ty liên kết gián tiếp của Công ty. Tổng giá trị phần vốn góp mua thêm được trình bày tại thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính này.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

#### Các khoản phải thu (tiếp theo)

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

### Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

### Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

### Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào Vốn khác của chủ sở hữu.

### Các khoản đầu tư

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

#### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

---

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **Thuế**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc

---

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

chấn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### ***Các bên liên quan***

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Tại 30/09/2024</u>	<u>Tại 01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.021.866.000	3.476.342.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.006.489.298	13.822.984.829
	<u><b>47.028.355.298</b></u>	<u><b>17.299.326.829</b></u>



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải thu từ các bên khác	19.976.233.988	13.248.856.515
- Công ty Điện lực Đắk Lắk	3.886.069.354	3.292.796.065
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng năng lượng Oscar	3.763.283.312	942.699.996
- Công ty Điện lực Đắk Nông	2.094.198.377	2.273.261.994
Phải thu các khách hàng khác	10.232.682.945	6.740.098.460
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)	1.010.880.000	8.607.600.000
	<b>20.987.113.988</b>	<b>21.856.456.515</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction	400.000.000	629.937.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	-	404.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	998.099.666	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Hoàng	-	-
Các nhà cung cấp khác	42.300.000	55.470.751
	<b>1.440.399.666</b>	<b>1.089.907.751</b>

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc	5.000.000	100.000.000
Tạm ứng	16.174.331	3.543.747
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (*)	4.333.000.000	1.604.020
	<b>4.354.174.331</b>	<b>105.147.767</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua thêm phần vốn góp của một số công ty liên kết gián tiếp với tổng số tiền đầu tư là 4.233.000.000 VNĐ trình bày tại thuyết minh số 1.

**b. Dài hạn**

Ký cược, ký quỹ	2.840.000.000	2.855.000.000
	<b>2.840.000.000</b>	<b>2.855.000.000</b>
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	-	430.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/09/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.610.909	-	13.800.000	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế	119.414.361	-	135.733.182	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	387.561.999	-
	<b>150.025.270</b>	<b>-</b>	<b>537.095.181</b>	<b>-</b>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.152.039.518	1.726.001.746
Chi phí bảo hiểm	191.657.411	340.580.708
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.002.573.701	608.519.772
	<b>2.346.270.630</b>	<b>2.675.102.226</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.411.723.441	794.561.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.190.598.956	1.144.113.237
	<b>2.602.322.397</b>	<b>1.938.674.658</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN/HN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tấm pin mặt trời VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
Số dư cuối kỳ	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	1.889.624.565	41.483.960.178	16.026.269	23.957.512.953	47.643.147.653	114.990.271.618
Khấu hao trong kỳ	493.527.964	10.760.954.407	25.550.451	6.797.406.958	11.724.542.583	29.801.982.363
Số dư cuối kỳ	2.383.152.529	52.244.914.585	41.576.720	30.754.919.911	59.367.690.236	144.792.253.981
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu kỳ	6.166.118.543	111.388.456.057	86.175.549	62.690.935.197	197.825.357.025	378.157.042.371
Số dư cuối kỳ	5.672.590.579	100.627.501.650	60.625.098	55.893.528.239	186.100.814.442	348.355.060.008

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	67.768.155.812
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>67.768.155.812</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	13.123.351.709
Khấu hao trong kỳ	3.435.545.145
Số dư cuối kỳ	<u>16.558.896.854</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>54.644.804.103</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>51.209.258.958</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại 01/01/2024		Trong kỳ	Tại 30/09/2024	
	Giá gốc	VND Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	VND Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	Giá gốc	VND Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.000.000.000	2.927.579.830	51.432.478	3.000.000.000	2.979.012.308
Công ty TNHH VVT Việt Nam	2.070.000.000	1.846.098.765	17.485.320	2.070.000.000	1.863.584.085
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.225.100.000	4.246.583.337	218.353.072	4.225.100.000	4.464.936.409
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	3.018.200.000	3.029.559.305	137.123.686	3.018.200.000	3.166.682.991
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	2.953.400.000	2.952.467.612	155.701.628	2.953.400.000	3.108.169.240
	<u>15.266.700.000</u>	<u>15.002.288.849</u>	<u>580.096.184</u>	<u>15.266.700.000</u>	<u>15.582.385.033</u>

13. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thể thương mại</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	3.313.074.287
Số dư cuối kỳ	<u>3.313.074.287</u>
PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	524.570.101
Phân bổ trong kỳ	248.480.571
Số dư cuối kỳ	<u>773.050.672</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>2.788.504.186</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.540.023.615</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Tại 30/09/2024</u> VND	<u>Tại 01/01/2024</u> VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch khấu hao tài sản cố định tạm thời được khấu trừ	94.341.887	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	1.766.772.783	-
	<u>1.861.114.670</u>	<u>-</u>

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Tại 30/09/2024</u> VND	<u>Tại 01/01/2024</u> VND
Chênh lệch do hợp nhất kinh doanh	420.925.095	803.637.606
	<u>420.925.095</u>	<u>803.637.606</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Tại 30/09/2024</u>		<u>Tại 01/01/2024</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.580.690.932	1.580.690.932	769.781.575	769.781.575
Công ty Cổ phần Năng lượng NCC	429.510.000	429.510.000	429.510.000	429.510.000
Phải trả cho các đối tượng khác	2.954.510.299	2.954.510.299	2.522.516.664	2.522.516.664
	<u>4.964.711.231</u>	<u>4.964.711.231</u>	<u>3.721.808.239</u>	<u>3.721.808.239</u>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	-	-	769.781.575	769.781.575

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.432.320.408	4.861.541.759	6.162.425.661	131.436.506
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	316.344.438	321.170.010	50.762.324
Thuế môn bài	-	73.000.000	73.000.000	-
	<b>1.487.908.304</b>	<b>5.250.886.197</b>	<b>6.556.595.671</b>	<b>182.198.830</b>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.441.679.247	2.432.536.132
Chi phí lãi vay	312.985.927	904.821.714
Các khoản trích trước khác	445.053.141	1.194.508.810
	<b>3.199.718.315</b>	<b>4.531.866.656</b>

18. VAY NGẮN HẠN

	Tại 01/01/2024		Trong kỳ		Tại 30/09/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	865.000.000	865.000.000	6.555.000.000	5.090.000.000	2.330.000.000	2.330.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	61.772.800.000	61.772.800.000	94.585.774.680	92.193.574.680	64.165.000.000	64.165.000.000
	<b>62.637.800.000</b>	<b>62.637.800.000</b>	<b>101.140.774.680</b>	<b>97.283.574.680</b>	<b>66.495.000.000</b>	<b>66.495.000.000</b>

(i) Đây là các khoản vay tín chấp từ các cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 06 năm 2025. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-DN/HN

19. VAY DÀI HẠN

	Tại 01/01/2024		Trong kỳ		Tại 30/09/2024	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	158.901.162.656	158.901.162.656	-	126.770.360.000	32.130.802.656	32.130.802.656
- Chi nhánh Ban Mê (i)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi	52.404.493.976	52.404.493.976	-	5.205.000.000	47.199.493.976	47.199.493.976
nhánh Hoàn Kiếm (ii)						
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (iii)	45.155.908.426	45.155.908.426	27.923.318.680	66.959.227.106	6.120.000.000	6.120.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.553.318.680	28.553.318.680	-	28.553.318.680	-	-
- Chi nhánh Sơn Tây						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi	-	-	109.526.000.000	8.988.000.000	100.538.000.000	100.538.000.000
nhánh Nam Thăng Long (iv)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi	14.320.000.000	14.320.000.000	-	1.680.000.000	12.640.000.000	12.640.000.000
nhánh Quảng Bình (v)						
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam -	-	-	60.455.908.426	3.245.000.000	57.210.908.426	57.210.908.426
Chi nhánh Đắk Lắk (vi)						
	<b>299.334.883.738</b>	<b>299.334.883.738</b>	<b>197.905.227.106</b>	<b>241.400.905.786</b>	<b>255.839.205.058</b>	<b>255.839.205.058</b>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	61.772.800.000	61.772.800.000			64.165.000.000	64.165.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	237.562.083.738	237.562.083.738			191.674.205.058	191.674.205.058

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các khoản vay dài hạn trả gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ.

Bên cho vay	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,8% - 9,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.
(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,9% - 8,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
(iii) Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,88% - 9,15%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
(iv) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
(v) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,9% - 8%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
(vi) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	64.165.000.000	61.772.800.000
Trong năm thứ hai	66.292.000.000	63.772.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	115.902.205.058	148.932.469.981
Sau năm năm	9.480.000.000	24.856.813.757
	<b>255.839.205.058</b>	<b>299.334.883.738</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	64.165.000.000	61.772.800.000
Số phải trả sau 12 tháng	<b>191.674.205.058</b>	<b>237.562.083.738</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	18.591.955.732	18.591.955.732
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	<b>210.000.000.000</b>	<b>8.331.664.665</b>	<b>33.072.861.141</b>	<b>251.404.525.806</b>

(i) Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Cổ phiếu	Tại 30/09/2024	Tại 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại 30/09/2024		Tại 01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	64.440.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	24.121.986.973	24.590.236.882
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	3.842.203.600	5.298.000.000
Doanh thu cho thuê	1.208.220.843	1.223.220.837
	<b>29.172.411.416</b>	<b>31.111.457.719</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	780.000.000	1.944.000.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Giá vốn bán điện	13.380.720.196	13.759.702.587
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	2.359.224.762	2.317.551.289
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.299.879.203	1.285.872.383
	<b>17.039.824.161</b>	<b>17.363.126.259</b>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.210.340.968	2.344.991.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	11.162.002.693	11.507.035.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.217.456.197	4.980.292.059
Chi phí khác bằng tiền	73.007.399	217.743.098
	<b>18.662.807.257</b>	<b>19.050.062.985</b>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Lãi từ tiền gửi và các khoản đầu tư	116.158.109	655.110.062
	<b>116.158.109</b>	<b>655.110.062</b>

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.800.209.411	8.675.563.296
Chi phí tài chính khác	33.251.141	-
	<u>4.833.460.552</u>	<u>8.675.563.296</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	564.575.625	596.243.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.161.299	37.153.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.251.929.825	786.734.601
Phân bổ lợi thế thương mại	82.826.857	112.016.444
Chi phí khác bằng tiền	62.155.176	123.141.773
	<u>1.999.648.782</u>	<u>1.655.290.045</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.205.137.630	1.071.685.665
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay/kỳ này	1.656.404.129	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u>4.861.541.759</u>	<u>1.071.685.665</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	21.209.670.310	10.625.806.365
Điều chỉnh lợi nhuận trên gốc độ hợp nhất	1.028.012.312	(1.241.606.088)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	2.189.912.300	7.350.073.249
	<b>24.427.594.922</b>	<b>16.734.273.526</b>
<i>Trong đó:</i>		
- (Lỗ) tính thuế	(3.486.805)	(840.494.277)
- Thu nhập tính thuế	24.431.081.727	17.574.767.803
<b>Chuyển lỗ</b>	-	<b>671.233.362</b>
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	<b>4.774.285.851</b>	<b>958.109.052</b>
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>19.653.309.071</b>	<b>15.104.931.112</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	15.929.324.815	5.274.918.895
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	192.726.658	167.018.848
<i>Thu nhập chịu thuế được miễn</i>	3.531.257.598	9.662.993.369
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.205.137.630</b>	<b>1.071.685.665</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các tỉnh Đắk Nông là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động bán điện trên địa bàn ưu đãi trong vòng 2 năm đầu tiên và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản dự phòng	(389.254.656)	345.706.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch đánh giá lại tài sản hợp nhất kinh doanh	6.542.145	83.832.630
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại từ chênh lệch khấu hao tài sản cố định	(94.341.887)	-
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại từ khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	(1.766.772.783)	-
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(2.243.827.181)</b>	<b>429.539.394</b>

c. Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (i)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/09/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/09/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/09/2024
		VND	VND	VND	VND
2021	2026	10.454.104.292	5.554.190.549	-	4.899.913.743
2022	2027	6.168.877.024	382.370.577	-	5.786.506.447
2023	2028	7.740.804.147	38.424.737	-	7.702.379.410
2024	2029	757.303.458	-	-	757.303.458
<b>Tổng cộng</b>		<b>25.121.088.921</b>	<b>5.974.985.863</b>	<b>-</b>	<b>19.146.103.058</b>

- (i) Đây là các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ khi tính thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty. Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.766.772.783 VND tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 đối với các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ nói trên.

28. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.471.207.065	2.998.699.444
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(239.895.956)
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.471.207.065	2.758.803.488
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm/kỳ	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>118</b>	<b>131</b>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT") từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lan	Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Chủ tịch Hội đồng quản trị đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Đức	Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Amber Capital	Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13/06/2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13/06/2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20/06/2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20/06/2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13/06/2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19/06/2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13/06/2024

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20/03/2024
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20/03/2024
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20/03/2024

*Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ ngày 01/07/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>	<u>Từ ngày 01/07/2023</u> <u>đến ngày 30/09/2023</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	216.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	72.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	72.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	72.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	72.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	420.000.000	-
	<b>780.000.000</b>	<b>1.944.000.000</b>
<b>Mua hàng và sử dụng dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	366.807.307
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	1.407.312
	-	<b>370.670.419</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 30/09/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	233.280.000	375.480.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	233.280.000	375.480.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	233.280.000	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
	<b>1.010.880.000</b>	<b>8.607.600.000</b>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
	-	<b>430.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575
	-	<b>769.781.575</b>



29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>197.500.000</b>	<b>225.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	90.000.000
Ông Phan Thành Đạt	72.500.000	45.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	45.000.000	45.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	45.000.000	45.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>1.197.151.389</b>	<b>1.365.241.560</b>
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	554.568.000
Ông Bùi Tuấn Dương	417.794.350	416.349.093
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	419.558.500	394.324.467
Bà Lê Thị Trang	136.008.800	-
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>99.000.000</b>	<b>99.000.000</b>
Ông Trần Minh Đức	45.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	27.000.000	27.000.000

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 22 tháng 10 năm 2024